TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh, Ông Vũ Ngọc Côn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 73/2021/QĐST-HPT ngày 9 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Phượng Khanh, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm ban dầu hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm lối sống, không bảo ban

được nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy các con. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng tháng 4/2021. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hoàng Thái S, sinh ngày 03/02/2007 và Trần Hoàng Đăng N, sinh ngày 31/8/2012. Các cháu có nguyện vọng ở vưới ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng

Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Ban đầu tôi có yêu cầu giải quyết về tài sản, nay tôi xin rút không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà bị đơn anh Trần Văn C trình bầy: Anh kết hôn với chị Đặng Thị T vào năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, thỉnh thoảng cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hoàng Thái S, sinh ngày 03/02/2007 và Trần Hoàng Đăng N, sinh ngày 31/8/2012. Nếu phải ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng. Nếu cháu ở với anh thì anh không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2021 các cháu Trần Hoàng Thái S và Trần Hoàng Đăng N đều trình bày: Có nguyện vọng được ở với mẹ Đặng Thị T.

Tại phiên tòa chị Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C. Về con chung, tài sản công nợ chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Trần Hoàng Đăng N, sinh ngày 31/8/2012 và Trần Hoàng Thái S, sinh ngày 03/02/2007. Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Trần Văn Cư được ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn C có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Phượng Khanh, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn C đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 09/9/2021 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh C vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên toà, đồng thời triệu tập lần thứ hai, tống đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Văn C nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 2006, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có làm thủ tục

đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn như vậy đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị Đặng Thị T xác định mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dậy các con, thường xuyên xảy ra to tiếng đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021. Anh Trần Văn C xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, thỉnh thoảng cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nên không nhất trí ly hôn.

Tại phiên toà chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn C điều đó chứng tỏ chị T không còn yêu thương quý trọng anh C nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn C là phù hợp với Điều 56 LHNGĐ 2014.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn C sinh được con chung là Trần Hoàng Thái S, sinh ngày 03/02/2007 và Trần Hoàng Đăng N, sinh ngày 31/8/2012. Cả chị T và anh C đều đề nghị nếu phải ly hôn các cháu có nguyện với ai thì người đó nuôi dưỡng, tại biên bản ghi lời khai các cháu đều có nguyện vọng ở với chị T. Để đảm bảo cho các cháu phát tiển đầy đủ về thể chất và tinh thần cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu cũng như tôn trọng nguyện vọng của chị T, anh C cần giao cho chị T nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Ban đầu chị T yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nhưng tại phiên toà chị rút không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị T là phù hợp Điều 217 BLTTDS.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại chị Đặng Thị T án phí chia tài sản.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218;

khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung: Trần Hoàng Đăng N, sinh ngày 31/8/2012 và Trần Hoàng Thái S, sinh ngày 03/02/2007. Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị Đặng Thị Thành.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Thành đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010322 ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Trả lại Chị Đặng Thị T 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010322 ngày 27 tháng 7 năm 202.

5. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Phượng Sơn;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Hiếu